|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN****TỈNH QUẢNG TRỊ**Số: /TTr-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Quảng Trị, ngày tháng năm 2023* |

DỰ THẢO LẦN 1

**TỜ TRÌNH**

**V/v Dự thảo Nghị quyết quy định chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa VII, Kỳ họp thứ … . |

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019 và Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số [33/2023/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-29-2013-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-92-2009-nd-cp-chuc-danh-so-luong-180933.aspx) ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố;

Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng dự thảo Nghị quyết về quy định chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Trị với các nội dung cụ thể như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

Qua hơn ba năm thực hiện quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách và khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn và thôn, tổ dân phố theo Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 21/4/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh, ngoài những kết quả đạt được, vẫn còn có một số hạn chế, bất cập như: Mức phụ cấp người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố, mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách và mức khoán kinh phí hoạt động cho các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, ở thôn, tổ dân phố còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu.

Ngày 10/6/2023, Chính phủ ban hành Nghị định số 33/2023/NĐ-CP quy định về cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; thôn, tổ dân phố, nghị định có hiệu lực từ ngày 01/8/2023; theo đó quy định giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định cụ thể chức danh người hoạt động không chuyên trách cấp xã; mức phụ cấp người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, tổ dân phố; việc kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; mức khoán kinh phí đối với các tổ chức CT-XH ở cấp xã. Theo quy định của Nghị định số 33/2023/NĐ-CP thì mức khoán quỹ phụ cấp của người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, tổ dân phố tăng lên so với trước đây.

Vì vậy Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 21/4/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh không còn phù hợp, cần thiết phải ban hành Nghị quyết thay thế.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

**1. Mục đích**

Việc xây dựng, ban hành Nghị quyết nhằm triển khai việc thực hiện Nghị định số [33/2023/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-29-2013-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-92-2009-nd-cp-chuc-danh-so-luong-180933.aspx) ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố; tạo cơ sở pháp lý việc bố trí kinh phí hoạt động cho các tổ chức CT-XH cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và thực hiện việc bố trí, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

**2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết**

Việc xây dựng Nghị quyết đảm bảo hợp hiến, hợp pháp, thống nhất và phù hợp với các quy định hiện hành và điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh và đảm bảo tính khả thi sau khi Nghị quyết ban hành.

**III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Nội vụ đã tiến hành đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND (Báo cáo số 152 /BC-SNV ngày 03/7/2023).

Lập công văn đề nghị xây dựng Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND Công văn số: 852 /SNV-XDCQ&CTTN ngày 06/7/2023.

Tập trung nghiên cứu, xây dựng dự thảo Nghị quyết và lấy ý kiến của Ủy ban MTTQVN tỉnh, các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố; đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh để lấy ý kiến góp ý của cán bộ, công chức và người dân về dự thảo Nghị quyết .

Dự thảo Quyết định, Tờ trình đã được Sở Tư pháp thẩm định đủ điều kiện trình UBND tỉnh xem xét ban hành ( tại báo cáo số ngày.., của Sở Tư pháp).

**IV. BỐ CỤC, NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

1. **Bố cục dự thảo Nghị quyết**

Dự thảo Nghị quyết gồm có 5 điều.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng.

Điều 2. Quy định chức danh, mức phụ cấp, việc kiêm nhiệm chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố

Điều 3. Khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố.

Điều 4.Nguồn kinh phí thực hiện.

Điều 5.Điều khoản thi hành.

**V. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Phạm vi điều chỉnh.

Nghị quyết này quy định chức danh, mức phụ cấp những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) và ở thôn, tổ dân phố; khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ đối với người trực tiếp tham gia hoạt động của thôn, tổ dân phố; việc kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia hoạt động của thôn, tổ dân phố.

**2. Đối tượng áp dụng**

a) Tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố.

b) Cán bộ, công chức cấp xã.

c) Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, tổ dân phố.

d) Những người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố.

e) Cơ quan quản lý nhà nước liên quan.

**3. Những điểm mới của dự thảo Nghị quyết**

**a) Số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã**

Dự thảo Nghị quyết lần này không quy định số lương người hoạt động không chuyên trách cấp xã, vì theo quy định của Nghị định số [33/2023/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-29-2013-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-92-2009-nd-cp-chuc-danh-so-luong-180933.aspx)  việc giao số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã hằng năm sẻ thực hiện bằng một Nghị quyết riêng.

**b) Chức danh**

Dự thảo Nghị quyết quy định 12 chức danh người hoạt động không chuyên trách cấp xã gần giống với Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 21/4/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh, chỉ thay thế chức danh Kế hoạch - giao thông - thủy lợi ở xã hoặc Kế hoạch - thương mại - dịch vụ - đô thị ở phường, thị trấn bằng chức danh nhân viên thú y để đảm bảo theo quy định của Chính phủ. Gồm có các chức danh sau:

-Tham mưu, giúp việc cho Đảng ủy;

- Phó Chỉ huy trưởng Quân sự;

- Nhân viên Thú y;

- Văn thư - lưu trữ;

- Phụ trách đài truyền thanh, thông tin, truyền thông hoặc Phụ trách đài truyền thanh, thông tin, truyền thông - Lao động, thương binh và xã hội;

- Phó Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc;

- Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ;

- Phó Chủ tịch Hội Nông dân;

- Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh;

- Phó Bí thư Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh - Chủ tịch Hội liên hiệp thanh niên Việt Nam;

 - Chủ tịch Hội Người cao tuổi;

- Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ hoặc Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ - Người khuyết tật và Bảo trợ xã hội.

**c) Mức phụ cấp**

**\* Phương án 1:**

Mức phụ cấp theo dự thảo Nghị quyết được quy định cao hơn so với Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND, do hiện nay Nghị định số [33/2023/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-29-2013-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-92-2009-nd-cp-chuc-danh-so-luong-180933.aspx) khoán quỹ phụ cấp cao hơn so với Nghị định số 34/2019/NĐ-CP (Nghị định số [33/2023/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-29-2013-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-92-2009-nd-cp-chuc-danh-so-luong-180933.aspx) quy định cấp xã loại 1 là 21,0 lần mức lương cơ sở; cấp xã loại 2 là 18,0 lần mức lương cơ sở; cấp xã loại III là 15,0 lần mức lương cơ sở; Nghị định số [34/2019/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-29-2013-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-92-2009-nd-cp-chuc-danh-so-luong-180933.aspx) quy định cấp xã 1 là 16,0 lần mức lương cơ sở; cấp xã loại 2 là 13,7 lần mức lương cơ sở; cấp xã loại 3 là 11,4 lần mức lương cơ sở).

Mức phụ cấp quy định căn cứ vào trình độ chuyên môn, tính chất, khối lượng công việc của mỗi chức danh và mức khoán phụ cấp của trung ương đối với từng loại xã, phường, thị trấn. Theo đó mức phụ cấp hàng tháng cao nhất 1,85 và thấp nhất 1,18 mức lương cơ sở, chênh lệch phụ cấp đối với người cùng chức danh nhưng khác nhau về trình độ chuyên môn là 0,15 mức lương cơ sở, riêng người có trình độ chuyên môn sơ cấp hoặc chưa qua đào tạo hưởng mức phụ cấp cố định 1,18 mức lương cơ sở. Người cùng chức danh giữa các loại xã không có chệnh lệch phụ cấp. Tổng chi trả phụ cấp hàng tháng và nộp BHXH, BHYT bình quân cấp xã loại I: 23.76 mức lương cơ sở (tăng hơn mức phụ cấp củ 4,62 lần lương cơ sở, cao hơn mức khoán của trung ương 2,76 lần mức lương cơ sở); cấp xã loại II: 20,34 lần lương cơ sở (tăng hơn mức phụ cấp củ 3,95 mức lương cơ sở, cao hơn mức khoán phụ cấp của trung ương 2,34 mức lương cơ sở), cấp xã loại III: 17.03 lần mức lương cơ sở (tăng hơn mức phụ cấp củ 2,03 lần mức lương cơ sở, cao hơn mức khoán của trung ương 2,02 mức lương cơ sở).

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Nhóm chức danh** | **Mức phụ cấp**  | **Ghi chú** |
| Sơ cấp hoặc chưa qua đào tạo | Trung cấp | Cao đẳng | Đại học trở lên |
| 1 | Tham mưu, giúp việc cho Đảng ủy (Văn phòng - Tổ chức - Kiểm tra Đảng - Tuyên giáo - Dân vận Đảng); Nhân viên thú y; Văn thư - lưu trữ; Phụ trách đài truyền thanh, thông tin, tuyên truyền cấp xã loại I và loại II hoặc Phụ trách đài truyền thanh, thông tin, tuyên truyền - Lao động, thương binh và xã hội xã loại III; Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ; Phó Chủ tịch Hội Nông dân; Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh | 1.18 | 1.45 | 1.60 | 1.75 |   |
| 2 | Phó Chỉ huy trưởng Quân sự; Phó Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc; Phó Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh - Chủ tịch Hội liên hiệp thanh niên Việt Nam; Chủ tịch Hội Người cao tuổi; Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ hoặc Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ - Người khuyết tật và Bảo trợ xã hội | 1.18 | 1.55 | 1.70 | 1.85 |   |

- Tổng chi phụ cấp cho người hoạt động không chuyên trách cấp xã bình quân 1 mỗi năm là: 55.620.864.000 đồng (Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND là 45.261.072.000 đồng), trong ngân sách trung ương cấp 49.183.200.000 đồng (Nghị quyết 18/2020/NQ-HĐND là 37.437.120.000 đồng), ngân sách địa phương chi 6.437.664.000 đồng (Nghị quyết 18/2020/NQ-HĐND là 7.823.952.000 đồng).

 **\* Phương án 2:**

Mức phụ cấp quy định căn cứ vào trình độ chuyên môn, tính chất, khối lượng công việc của mỗi chức danh và mức khoán phụ cấp của trung ương đối với từng loại xã, phường, thị trấn. Theo đó mức phụ cấp hàng tháng cao nhất 1,85 và thấp nhất 1,30 mức lương cơ sở, chênh lệch phụ cấp đối với người cùng chức danh nhưng khác nhau về trình độ chuyên môn là 0,15 mức lương cơ sở. Người cùng chức danh giữa các loại xã không có chệnh lệch phụ cấp. Tổng chi trả phụ cấp hàng tháng và nộp BHXH, BHYT bình quân cấp xã loại I: 24.33 mức lương cơ sở (tăng hơn mức phụ cấp củ 5.19 lần lương cơ sở, cao hơn mức khoán của trung ương 3,33 lần mức lương cơ sở); cấp xã loại II: 20,84 lần lương cơ sở (tăng hơn mức phụ cấp củ 4.45 mức lương cơ sở, cao hơn mức khoán phụ cấp của trung ương 2,84 mức lương cơ sở), cấp xã loại III: 17.45 lần mức lương cơ sở (tăng hơn mức phụ cấp củ 2.44 lần mức lương cơ sở, cao hơn mức khoán của trung ương 2,45 mức lương cơ sở).

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Nhóm chức danh** | **Mức phụ cấp**  | **Ghi chú** |
| Sơ cấp hoặc chưa qua đào tạo | Trung cấp | Cao đẳng | Đại học trở lên |
| 1 | Tham mưu, giúp việc cho Đảng ủy (Văn phòng - Tổ chức - Kiểm tra Đảng - Tuyên giáo - Dân vận Đảng); Nhân viên thú y; Văn thư - lưu trữ; Phụ trách đài truyền thanh, thông tin, tuyên truyền cấp xã loại I và loại II hoặc Phụ trách đài truyền thanh, thông tin, tuyên truyền - Lao động, thương binh và xã hội xã loại III; Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ; Phó Chủ tịch Hội Nông dân; Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh | 1.3 | 1.45 | 1.60 | 1.75 |   |
| 2 | Phó Chỉ huy trưởng Quân sự; Phó Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc; Phó Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh - Chủ tịch Hội liên hiệp thanh niên Việt Nam; Chủ tịch Hội Người cao tuổi; Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ hoặc Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ - Người khuyết tật và Bảo trợ xã hội | 1.4 | 1.55 | 1.70 | 1.85 |   |

- Tổng chi phụ cấp cho người hoạt động không chuyên trách cấp xã bình quân 1 mỗi năm là: 56.981.016.000 đồng (Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND là 45.261.072.000 đồng), trong ngân sách trung ương cấp 49.183.200.000 đồng (Nghị quyết 18/2020/NQ-HĐND là 37.437.120.000 đồng), ngân sách địa phương chi 7.797.816.000 đồng (Nghị quyết 18/2020/NQ-HĐND là 7.823.952.000 đồng).

**4. Quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố**

**a) Số lượng, chức danh**

Số lượng, chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được quy định giống với Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND, bố trí mỗi thôn, tổ dân phố 03 người được hưởng phụ cấp, đảm nhiệm 03 chức danh, cụ thể như sau: Bí thư Chi bộ hoặc Bí thư Đảng ủy bộ phận; Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố; Trưởng ban Công tác Mặt trận.

**b) Mức phụ cấp**

**\* Phương án 1:**

Mức phụ cấp theo dự thảo Nghị quyết được quy định cao hơn so với Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND, do hiện nay Nghị định số [33/2023/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-29-2013-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-92-2009-nd-cp-chuc-danh-so-luong-180933.aspx) khoán phụ cấp cao hơn so với Nghị định số 34/2019/NĐ-CP (Nghị định số [33/2023/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-29-2013-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-92-2009-nd-cp-chuc-danh-so-luong-180933.aspx) quy định thôn loại 1 là 6 lần mức lương cơ sở; thôn, tổ dân phố còn lại là 4,5 lần mức lương cơ sở. Nghị định số [34/2019/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-29-2013-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-92-2009-nd-cp-chuc-danh-so-luong-180933.aspx) quy định cấp thôn, tổ dân phố loại1 là 4,5 lần mức lương cơ sở; thôn, tổ dân phố còn lại là 3 lần mức lương cơ sở).

Mức phụ cấp quy định căn cứ vào trình độ chuyên môn, tính chất, khối lượng công việc của mỗi chức danh và mức khoán phụ cấp của trung ương đối với từng loại thôn, tổ dân phố. Mức phụ cấp cao nhất là 1,74 và mức thấp nhất là 1,18 mức lương cơ sở; chênh lệch phụ cấp đối với người cùng chức danh nhưng khác nhau về trình độ chuyên môn và cùng loại thôn, tổ dân phố là 0,15 mức lương cơ sở. Người cùng chức danh, cùng trình độ chuyên môn giữa các loại thôn, tổ dân phố chệnh lệch phụ cấp 0.9 mức lương cơ sở, riêng người trình độ chuyên môn sơ cấp và chưa qua đào tạo hưởng mức phụ cấp cố định 1,18 mức lương cơ sở. Tổng chi trả phụ cấp hàng tháng bình quân cấp thôn, tổ dân phố loại I: 4,39 mức lương cơ sở (tăng hơn mức phụ cấp củ 0.79 lần lương cơ sở, thấp hơn mức khoán của trung ương 1,61 lần mức lương cơ sở). Đối với thôn, tổ dân phố còn lại tổng chi trả phụ cấp hàng tháng bình quân: 4,19 lần lương cơ sở (tăng hơn mức phụ cấp củ 1,19 mức lương cơ sở, thấp hơn mức khoán phụ cấp của trung ương 0,31 mức lương cơ sở).

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Tên chức danh** | **Mức phụ cấp**  | Ghi chú |
| Sơ cấp hoặc chưa qua đào tạo | Trung cấp | Cao đẳng | Đại học |
| **I** | **Đối với thôn 350 hộ trở lên; tổ dân phố 500 hộ trở lên; thôn, tổ dân phố thuộc xã, phường, thị trấn trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự; thôn, tổ dân phố thuộc thuộc xã, phường, thị trấn thuộc xã, phường, thị trấn ở khu vực biên giới, hải đảo.** |
| 1 | Bí thư Chi bộ hoặc Bí thư Đảng bộ bộ phận; Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng Tổ dân phố | 1.18 | 1.44 | 1.59 | 1.74 |   |
| 2 | Trưởng ban công tác Mặt trận | 1.18 | 1.34 | 1.49 | 1.64 |   |
| **II** | **Thôn, tổ dân phố còn lại** |
|  1 | Bí thư Chi bộ hoặc Bí thư Đảng bộ bộ phận; Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng Tổ dân phố | 1.18 | 1.35 | 1.50 | 1.65 |   |
| 2  | Trưởng ban công tác Mặt trận | 1.18 | 1.25 | 1.40 | 1.55 |   |

- Tổng chi phụ cấp cho người hoạt động không chuyên trách thôn, tổ dân phố là: 73.379.736.000 đồng; trung ương khoán 85.665.600.000 đồng, tiền còn lại 12.285.864.000 đồng (chủ yếu từ thôn 350 hộ, tổ dân phố 500 hộ, …). Khoản còn lại này dùng để chi trả bồi dưỡng cho Phó Bí thư Chi bộ, Phó Trưởng thôn hoặc Tổ phó tổ dân phố và Phó trưởng ban công tác Mặt trận của thôn 350 hộ, tổ dân phố 500 hộ, …) với tổng một năm 8.589.672.000 đồng, còn lại 3.696.192.000 đồng chuyển sang chi trả mức hỗ trợ cho người trực tiếp tham gia công việc của thôn.

**\* Phương án 2.**

Mức phụ cấp quy định căn cứ vào trình độ chuyên môn, tính chất, khối lượng công việc của mỗi chức danh và mức khoán phụ cấp của trung ương đối với từng loại thôn, tổ dân phố, mức phụ cấp cao nhất là 1,74 và mức thấp nhất là 1,1 mức lương cơ sở; chênh lệch phụ cấp đối với người cùng chức danh nhưng khác nhau về trình độ chuyên môn và cùng loại thôn, tổ dân phố là 0,15 mức lương cơ sở. Người cùng chức danh, cùng trình độ chuyên môn giữa các loại thôn, tổ dân phố chệnh lệch phụ cấp 0.9 mức lương cơ sở. Tổng chi trả phụ cấp hàng tháng bình quân cấp thôn, tổ dân phố loại I: 4,45 mức lương cơ sở (tăng hơn mức phụ cấp củ 1,25 lần lương cơ sở, thấp hơn mức khoán của trung ương 1,55 lần mức lương cơ sở). Đối với thôn, tổ dân phố còn lại tổng chi trả phụ cấp hàng tháng bình quân: 4,18 lần lương cơ sở (tăng hơn mức phụ cấp củ 1,18 mức lương cơ sở, thấp hơn mức khoán phụ cấp của trung ương 0,32 mức lương cơ sở).

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Tên chức danh** | **Mức phụ cấp**  | Ghi chú |
| Sơ cấp hoặc chưa qua đào tạo | Trung cấp | Cao đẳng | Đại học |
| **I** | **Đối với thôn 350 hộ trở lên; tổ dân phố 500 hộ trở lên; thôn, tổ dân phố thuộc xã, phường, thị trấn trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự; thôn, tổ dân phố thuộc thuộc xã, phường, thị trấn thuộc xã, phường, thị trấn ở khu vực biên giới, hải đảo.** |
| 1 | Bí thư Chi bộ hoặc Bí thư Đảng bộ bộ phận; Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng Tổ dân phố | 1.29 | 1.44 | 1.59 | 1.74 |   |
| 2 | Trưởng ban công tác Mặt trận | 1.19 | 1.34 | 1.49 | 1.64 |   |
| **II** | **Thôn, tổ dân phố còn lại** |
| 1 | Bí thư Chi bộ hoặc Bí thư Đảng bộ bộ phận; Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng Tổ dân phố | 1.20 | 1.35 | 1.50 | 1.65 |   |
| 2 | Trưởng ban công tác Mặt trận | 1.10 | 1.25 | 1.40 | 1.55 |   |

- Tổng chi phụ cấp cho người hoạt động không chuyên trách thôn, tổ dân phố là: 73.494.324.000 đồng; trung ương khoán 85.665.600.000 đồng, tiền còn lại 12.171.276.000 đồng (chủ yếu từ thôn 350 hộ, tổ dân phố 500 hộ, …). Khoản còn lại này dùng để chi trả bồi dưỡng cho Phó Bí thư Chi bộ, Phó Trưởng thôn

hoặc Tổ phó tổ dân phố và Phó trưởng ban công tác Mặt trận của thôn 350 hộ, tổ dân phố 500 hộ, …) với tổng một năm 8.589.672.000 đồng, còn lại 3.581.604.000 đồng chuyển sang chi trả mức bồi dưỡng cho người trực tiếp tham gia công việc của thôn.

**5. Việc kiêm nhiệm chức danh**

Cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố có thể kiêm nhiệm chức danh những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố. Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố có thể kiêm nhiệm chức danh người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

Theo dự thảo Nghị quyết lần nay tăng mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh lên 100% mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm theo quy định của Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

**6. Khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn**

**a) Tổ chức chính trị - xã hội được khoán kinh phí hoạt động**

Các tổ chức CT-XH được khoán kinh phí hoạt động giống với quy định của Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND là 05 tổ chức CT-XH cấp xã gồm: Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam; Hội Nông dân; Hội Liên hiệp Phụ nữ; Hội Cựu chiến binh; Đoàn thanh niên cộng sản HCM.

**b) Mức khoán.**

- Mức khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức CT-XH nêu trên tối thiểu: 17.000.000 đồng/tổ chức/năm; mức khoán hiện nay là 15.000.000 đồng/tổ chức/năm. Tổng kinh phí một năm theo dự thảo Nghị quyết mức khoán tối thiểu là: 10.625.000.000 đồng; tổng mức khoán hàng năm hiện nay là 9.375.000.000 đồng, tăng 1.250.000.000 đồng một năm.

**7. Hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, tổ dân phố**

**a) Tổ chức chính trị - xã hội được hỗ trợ kinh phí hoạt động**

Các tổ chức CT-XH được hỗ trợ kinh phí hoạt động giống với quy định của Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND là 05 tổ chức CT-XH ở thôn, tổ dân phố gồm: Ban Công tác mặt trận ở khu dân cư; Chi hội Hội Nông dân; Chi hội Hội Phụ nữ; Chi hội Hội Cựu chiến binh và Chi đoàn Thanh niên CSHCM

**b) Mức hỗ trợ.**

Tổ chức chính trị - xã hội các thôn đặc biệt khó khăn hỗ trợ kinh phí hoạt động là: 3.000.000 đồng/tổ chức /năm, tăng 1.000.000 đồng/tổ chức /năm. Đối với các thôn, tổ dân phố còn lại hỗ trợ kinh phí hoạt động 2.500.000 đồng/tổ chức/năm, tăng 1.000.000 đồng/tổ chức /năm. Tổng mức hỗ trợ kinh phí hoạt động 01 năm là: 10.455.000.000.000 đồng, so với Nghị quyết 18/2020/NQ-HĐND tăng thêm 3.995.000.000 đồng.

**8. Mức hỗ trợ đối với người trực tiếp tham gia hoạt động của thôn, tổ dân phố.**

**a) Chức danh được hỗ trợ.**

Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh, Chi hội trưởng Hội Nông dân, Chi hội trưởng Hội Liên hiệp phụ nữ, Chi hội trưởng Hội Người cao tuổi và Bí thư Chi đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh.

**b) Mức hỗ trợ.**

**\* Phương án 1**

Hỗ trợ tối thiểu là 0.5 mức lương cơ sở/người/tháng.

Theo phương án này kinh phí chi trả hỗ trợ đối với người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố mỗi năm là: 43.146.800.000 đồng, tăng lên so với Nghị quyết 18/2020/NQ-HĐND là 21.174.300.000 đồng.

**\* Phương án 2**

Hỗ trợ tối thiểu là 0.35 mức lương cơ sở/người/tháng.

Theo phương án này kinh phí chi trả hỗ trợ đối với người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố mỗi năm là: 30.202.200.000 đồng, tăng lên so với Nghị quyết 18/2020/NQ-HĐND là 8.692.200.000 đồng.

c) Đối với thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm, phức tập về an ninh, trật tự; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã ở khu vực biên giới chi trả hỗ trợ khi trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố cho Phó Bí thư chi bộ hoặc Phó Bí thư Đảng bộ bộ phận và Phó trưởng thôn hoặc Phó tổ trưởng tổ dân phố, mức hỗ trợ 0.55 mức lương cơ sở/người/tháng và chi trả hỗ trợ cho Phó trưởng ban công tác Mặt trận, mức hỗ trợ 0.5 mức lương cơ sở/người/tháng.

Mức hỗ trợ đối với mỗi chức danh giống với quy định của Nghị quyết 18/2020/NQ-HĐND, bổ sung thêm người được hỗ trợ Phó Bí thư chi bộ, Tổ phó tổ dân phố và Phó Ban công tác Mặt trận tổ dân phố có 500 hộ gia đình trở lên. Tổng kinh phí một năm chi trả hỗ trợ là: 6.462.720.000 đồng, khoản kinh phí này lấy từ quỹ phụ cấp của người hoạt động không chuyên trách trung ương khoán chưa chi hết.

**VI. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN**

**1. Phương án 1**

**- Tổng kinh phí một năm theo là: 199.690.120.000 đồng.**

Trong đó:

+ Tổng chi phụ cấp và nộp BHXH, BHYT cho người hoạt động không chuyên trách cấp xã: 55.620.864.000 đồng,

+ Phụ cấp người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố: 73.379.736.000 đồng.

+ Khoán kinh phí hoạt động tổ chức CT-XH cấp xã: 10.625.000.000 đồng

+ Hỗ trợ kinh phí hoạt động tổ chức CT-XH thôn, tổ dân phố: 10.455.000.000.000 đồng.

+ Hỗ trợ những người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố: 43.146.800.000 đồng.

+ Kinh phí chi bồi dưỡng Phó Trưởng thôn hoặc Tổ phó tổ dân phố, Phó Bí thư Chi bộ hoặc Phó bí thư Đảng ủy bộ phận đối với thôn có 350 hộ trở lên; Tổ dân phố 500 hộ trở lên,…: 6.462.720.000 đồng.

Kinh phí hoạt động của các tổ chức Chính trị - xã hội ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố và kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách theo Nghị quyết này do ngân sách nhà nước chi trả, trong đó phần tăng thêm do tính chất đặc thù của địa phương do ngân sách địa phương chi trả.

**2. Phương án 2**

**- Tổng kinh phí một năm theo phương án 2 là: 188.220.260.000 đồng.**

Trong đó:

+ Tổng chi phụ cấp và nộp BHXH, BHYT cho người hoạt động không chuyên trách cấp xã: 56.981.016.000 đồng, trong ngân sách trung ương cấp 49.183.200.000 đồng, ngân sách địa phương chi 7.797.816.000 đồng.

+ Phụ cấp người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố: 73.494.324.000 đồng.

+ Khoán kinh phí hoạt động tổ chức CT-XH cấp xã: 10.625.000.000 đồng

+ Hỗ trợ kinh phí hoạt động tổ chức CT-XH thôn, tổ dân phố: 10.455.000.000.000 đồng.

+ Hỗ trợ những người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố: 30.202.200.000 đồng.

+ Kinh phí chi bồi dưỡng Phó Trưởng thôn hoặc Tổ phó tổ dân phố, Phó Bí thư Chi bộ hoặc Phó bí thư Đảng ủy bộ phận đối với thôn có 350 hộ trở lên; Tổ dân phố 500 hộ trở lên,…: 6.462.720.000 đồng.

Kinh phí hoạt động của các tổ chức Chính trị - xã hội ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố và kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách theo Nghị quyết này do ngân sách nhà nước chi trả, trong đó phần tăng thêm do tính chất đặc thù của địa phương do ngân sách địa phương chi trả.

\* Thời gian áp dụng: Nghị quyết được áp dụng kể từ ngày 01/8/2023, trùng với ngày có hiệu lực của Nghị định số [33/2023/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-29-2013-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-92-2009-nd-cp-chuc-danh-so-luong-180933.aspx) ngày 10/6/2023 của Chính phủ.

**VII. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN**

 1. Quy định chuyển tiếp đối với chức danh Công an viên: Để đảm bảo chế độ, chính sách đối với Công an viên không chuyên trách trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn chuyển tiếp, đề nghị tiếp tục chi trả chế độ phụ cấp đối với Công an xã không chuyên trách bằng mức phụ cấp quy định tại Nghị quyết số 26/2013/NQ-HĐND ngày 11/12/2013 của HĐND tỉnh cho đến khi có quy định mới hoặc bổ sung vào chức danh người trực tham gia hoạt động ở thôn áp dụng mức hưởng hỗ trợ bằng 0,5 mức lương cơ sở/người/tháng cho đến khi có văn bản quy định mới.

2. Đối với chức danh Nhân viên thú y và Nhân viên khuyến nông hiện nay được HĐND tỉnh khoán kinh phí cho UBND các huyện thị xã, thành phố chi trả hỗ trợ theo Nghị quyết số 161/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh. Hiện nay đã bố trí đủ số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã. Theo Nghị định sô 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 quy định chi tiết một số điều Luật Thú y chức danh nhân viên thú y là người hoạt động không chuyên trách cấp xã nên đã bổ sung vào chức danh người hoạt động không chuyên trách cấp xã. Đối với chức danh nhân viên khuyến nông, tiếp tục áp dụng Nghị quyết số 161/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh. Đề nghị HĐND tỉnh xem xét cho ý kiến.

(Chi tiết có Đề án và dự thảo Nghị quyết kèm theo).

UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét lựa chọn quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên;- Thường trực Tỉnh ủy;- Thường trực HĐND tỉnh;- Chủ tịch và PCT UBND tỉnh;- UBMTTQVN tỉnh;- Ban Pháp chế;- Ban Tổ chức Tỉnh ủy; - Sở Nội vụ;- Lưu: VT, NC. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN****CHỦ TỊCH****Võ Văn Hưng** |